TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-4-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc: Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị P, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản P, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Tòng Văn K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản P, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quàng Thị P trình bày:

Chị và anh Tòng Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 20/9/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tòng Văn K sử dụng ma túy, không

chịu làm ăn, từ đó vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân, từ lâu hai vợ chồng đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Tòng Văn K.

Về con chung: Có hai con là Tòng Văn D, sinh ngày 16/02/2009 và Tòng Thị D, sinh ngày 16/10/2012. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con, không yêu cầu anh Tòng Văn K cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Tòng Văn K từ chối trình bày.

Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu chứng cứ trong vụ án xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Quàng Thị P và anh Tòng Văn K là có thật. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của chị Quàng Thị P.

Về con chung: Có hai con là Tòng Văn D, sinh ngày 16/02/2009 và Tòng Thị D, sinh ngày 16/10/2012.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án.

Có căn cứ để xử cho chị Quàng Thị P được ly hôn anh Tòng Văn K;

Về con chung: Giao cho chị Quàng Thị P trực tiếp nuôi cháu Tòng Văn D và Tòng Thị D. Chị Quàng Thị P không yêu cầu anh Tòng Văn K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không có.

Chị Quàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Quàng Thị P khởi kiện ly hôn anh Tòng Văn K có nơi cư trú tại bản P, xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn chị Quàng Thị P đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, đã nhận được giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Tòng Văn K sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án đã từ chối khai báo, trình bày nguyện vọng. Anh Tòng Văn K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án, đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Quàng Thị P và anh Tòng Văn K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã PT, huyện ML, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/9/2010, như vậy hôn nhân giữa chị P và anh K là hôn nhân hợp pháp

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị P và anh K: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tòng Văn K sử dụng ma túy, không chịu làm ăn, từ đó vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Từ lâu hai người đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tòa án nhân dân huyện ML đã tiến hành xác minh tại địa phương chị P và anh K sinh sống. Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2022 xác nhận anh K và chị P có mâu thuẫn do anh K sử dụng ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm, chăm lo đến vợ con.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Quàng Thị P và anh Tòng Văn K đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Quàng Thị P yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Quàng Thị P được ly hôn anh Tòng Văn K.

[3] Về con chung: Có hai con là Tòng Văn D, sinh ngày 16/02/2009 và Tòng Thị D, sinh ngày 16/10/2012. Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu cần giao cho chị Quàng Thị P trực tiếp nuôi các cháu Tòng Văn D và Tòng Thị D là đúng nguyện vọng của các cháu. Anh Tòng Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án: Chị Quàng Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị Quàng Thị P được ly hôn anh Tòng Văn K.

2. Về con chung:

Giao cho chị Quàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Văn D, sinh ngày 16/02/2009 và Tòng Thị D, sinh ngày 16/10/2012 đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Tòng Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Quàng Thị P.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Đều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Quàng Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000092 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

Chị Quàng Thị P, anh Tòng Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã PT, huyện ML (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)